TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở tại Nhật Bản. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Đ tại Nhật Bản).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công P, sinh năm 1994. Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm E, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở tại Nhật Bản. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Đ tại Nhật Bản).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (được hợp pháp hoá của Đ tại Nhật Bản), nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn do cuộc sống khó khăn nên cả hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Mặc dù cả hai vợ chồng cùng ở Nhật Bản nhưng do công việc của mỗi người làm một nơi nên không chung sống

cùng nhau. Kể từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Công P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/7/2020. Chị L và anh P thỏa thuận giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L và anh P thoả thuận mỗi tháng anh P cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn D số tiền 5.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2025.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L hiện đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Hoàng Thị N. Địa chỉ: Xóm M, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện, các tài liệu, tiền tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

2. Bản tự khai và trình bày ý kiến về việc ly hôn (được hợp pháp hoá của Đ tại Nhật Bản), bị đơn anh Nguyễn Công P trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng anh P đều thống nhất như chị L trình bày. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Do hiện nay không còn tình cảm chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh P cũng đồng ý.

Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/7/2020. Ly hôn anh P và chị L thỏa thuận giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh P cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá T và bà Hoàng Thị P1:

Ông T và bà P1 là bố, mẹ của chị L; vợ chồng chị L, anh P đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên nhờ ông T, bà P1 trông nom, chăm sóc cháu D. Ông T, bà P1 tự nguyện trông nom, chăm sóc cháu D trong thời gian chị L, anh P ở nước ngoài và không yêu cầu chị L, anh P trả tiền công chăm sóc cháu D từ trước đến nay. Ông T và bà P1 cam đoan và chịu trách nhiệm trước nội dung trình bày của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông ông T, bà P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện

kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P hiện đang cư trú tại N; trước xuất cảnh, chị L và anh P có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P hiện đang cư trú tại Nhật Bản có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được Đ tại Nhật Bản; ông Nguyễn Nguyễn Bá T và bà Hoàng Thị P1 đã nộp đơn trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn, chị L và anh P đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nên đến tháng 8/2023, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/7/2020. Chị L và anh P thoả thuận ly hôn giao con chung Nguyễn Ngọc D cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Nguyễn Công P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc D đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D từ khi chị L, anh P đi nước ngoài, ông Nguyễn Công T1 và bà Hoàng Thị P1 không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L thoả thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 273; Điều 469; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Giao con chung Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/7/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc D đủ 18 tuổi, trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Công P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 24/7/2020 mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tính từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi con chung cháu Nguyễn Ngọc D đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Cháu Nguyễn Ngọc D đang được chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng nên chị Nguyễn Thị L được nhận số tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) từ anh Nguyễn Công P.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P không yêu cầu Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi

nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007629 ngày 28/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ hợp lệ; ông Nguyễn Bá T và bà Hoàng Thị P1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh